

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
1	AAA	An Phát Bioplastics	50
2	ABT	Thủy sản Bến Tre	50
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	50
4	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	50
5	ACG	Gỗ An Cường	50
6	ACL	Thủy sản CL An Giang	50
7	ADS	Dệt sợi DAMSAN	50
8	AGG	Bất động sản An Gia	50
9	AGR	Agriseco	50
10	ANV	Thủy sản Nam Việt	50
11	ASM	Tập đoàn Sao Mai	50
12	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	50
13	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	50
14	BCM	Becamex IDC	50
15	BFC	Phân bón Bình Điền	50
16	BIC	Bảo hiểm BIDV	50
17	BKG	Đầu tư BKG Việt Nam	50
18	BMC	Khoáng sản Bình Định	50
19	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	50
20	BMP	Nhựa Bình Minh	50
21	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	50
22	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	50
23	BVS	Chứng khoán Bảo Việt	50
24	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	50
25	CAP	Lâm nông sản Yên Bái	50
26	CCL	ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long	50
27	CDC	Chương Dương Corp	50
28	CEO	Tập đoàn CEO	50
29	CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	50
30	CLC	Thuốc lá Cát Lợi	50
31	CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	50
32	CNG	CNG Việt Nam	50
33	CSC	Tập đoàn COTANA	50
34	CSM	Cao su Miền Nam	50
35	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	50
36	CTD	Xây dựng Coteccons	50
37	CTF	City Auto	50
38	CTG	VietinBank	50
39	CTI	Cường Thuận IDICO	50
40	CTR	Công trình Viettel	50
41	CTS	Chứng khoán Vietinbank	50
42	CVT	CMC JSC	50
43	DBC	Tập đoàn DABACO	50
44	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	50
45	DC4	Xây dựng DIC Holdings	50
46	DCM	Đạm Cà Mau	50
47	DGC	Hóa chất Đức Giang	50
48	DGW	Thế Giới Số	50
49	DHA	Hóa An	50
50	DHC	Đông Hải Bến Tre	50
51	DHG	Dược Hậu Giang	50
52	DHM	Khoáng sản Dương Hiếu	50
53	DHT	Dược phẩm Hà Tây	50
54	DIG	DIC Corp	50
55	DL1	Tập đoàn Alpha 7	50
56	DNP	Nhựa Đồng Nai	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
57	DPG	Tập đoàn Đạt Phương	50
58	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	50
59	DPR	Cao su Đồng Phú	50
60	DRC	Cao su Đà Nẵng	50
61	DSN	Công viên nước Đà Sen	50
62	DTD	Đầu tư Phát triển Thành Đạt	50
63	DTK	Vinacomin Power	50
64	DVM	Dược liệu Việt Nam	50
65	DXG	Địa ốc Đất Xanh	50
66	DXP	Cảng Đoạn Xá	50
67	E1VFN30	Quỹ ETF DCVFMVN30	50
68	EIB	Eximbank	50
69	ELC	ELCOM	50
70	EVF	Tài chính Điện lực	50
71	FCN	FECON CORP	50
72	FMC	Thực phẩm Sao Ta	50
73	FPT	FPT Corp	50
74	FRT	Bán lẻ FPT	50
75	FTS	Chứng khoán FPT	50
76	FUESSVFL	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	50
77	GAS	PV Gas	50
78	GDT	Gỗ Đức Thành	50
79	GEE	Thiết bị điện GELEX	50
80	GEG	Điện Gia Lai	50
81	GEX	Tập đoàn Gelex	50
82	GMD	Gemadept	50
83	GSP	Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	50
84	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	50
85	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50
86	HAX	Ô tô Hàng Xanh	50
87	HCD	SX và Thương mại HCD	50
88	HCM	Chứng khoán HSC	50
89	HDB	HDBank	50
90	HDC	Phát triển Nhà BR-VT	50
91	HDG	Tập đoàn Hà Đô	50
92	HHP	HHP Global	50
93	HHS	Đầu tư DV Hoàng Huy	50
94	HHV	Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50
95	HPG	Hòa Phát	50
96	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	50
97	HT1	VICEM Hà Tiên	50
98	HTI	PT Hạ tầng IDICO	50
99	HTN	Hưng Thịnh Incons	50
100	HUB	Xây lắp Huế	50
101	HUT	Tasco	50
102	HVH	Đầu tư và Công nghệ HVC	50
103	IDC	IDICO	50
104	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	50
105	IDV	PT Hạ tầng Vĩnh Phúc	50
106	IJC	Becamex IJC	50
107	IMP	IMEXPHARM	50
108	INN	Bao bì và In Nông Nghiệp	50
109	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	50
110	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	50
111	KDC	Tập đoàn KIDO	50
112	KDH	Nhà Khang Điền	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
113	KHG	Tập đoàn Khai Hoàn Land	50
114	KOS	Công ty KOSY	50
115	KSB	Khoáng sản Bình Dương	50
116	KSV	Khoáng sản TKV	50
117	LAF	Chế biến Hàng XK Long An	50
118	LAS	Hóa chất Lâm Thao	50
119	LCG	LIZEN	50
120	LHG	KCN Long Hậu	50
121	LIX	Bột Giặt Lix	50
122	LPB	LPBank	50
123	LSS	Mía đường Lam Sơn	50
124	MBB	MBBank	50
125	MBS	Chứng khoán MB	50
126	MIG	Bảo hiểm Quân đội	50
127	MSB	MSB Bank	50
128	MSH	May Sông Hồng	50
129	MSN	Tập đoàn Masan	50
130	MWG	Thế giới di động	50
131	NAB	Ngân hàng Nam Á	50
132	NAF	Nafoods Group	50
133	NAG	Tập đoàn Nagakawa	50
134	NBB	577 CORP	50
135	NBC	Than Núi Béo	50
136	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	50
137	NET	Bột giặt Net	50
138	NHA	PT Nhà và Đô thị Nam HN	50
139	NHH	Nhựa Hà Nội	50
140	NKG	Thép Nam Kim	50
141	NLG	BDS Nam Long	50
142	NNC	Đá Núi Nhỏ	50
143	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	50
144	NTL	Đô thị Từ Liêm	50
145	NTP	Nhựa Tiền Phong	50
146	OCB	Ngân hàng Phương Đông	50
147	OPC	Dược phẩm OPC	50
148	PAC	Pin Ấc quy Miền Nam	50
149	PAN	Tập đoàn PAN	50
150	PC1	Tập đoàn PC1	50
151	PDR	BDS Phát Đạt	50
152	PET	Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50
153	PGC	Gas Petrolimex	50
154	PGI	Bảo hiểm PJICO	50
155	PHR	Cao su Phước Hòa	50
156	PLC	Hóa dầu Petrolimex	50
157	PLX	Petrolimex	50
158	PNJ	Vàng Phú Nhuận	50
159	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	50
160	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	50
161	PSD	Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50
162	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50
163	PVB	Bọc ống Dầu khí Việt Nam	50
164	PVC	Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	50
165	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	50
166	PVG	Kinh doanh LPG Việt Nam	50
167	PVI	Bảo hiểm PVI	50
168	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
169	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	50
170	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	50
171	REE	Cơ Điện Lạnh REE	50
172	S55	Sông Đà 505	50
173	S99	Sông Đà 9.09 (SCI)	50
174	SAB	SABECO	50
175	SAF	Thực Phẩm SAFOCO	50
176	SAM	SAM Holdings	50
177	SBA	Sông Ba JSC	50
178	SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	50
179	SCI	SCI E&C	50
180	SCR	TTC Land	50
181	SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	50
182	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	50
183	SGT	Sài Gòn Telecom	50
184	SHB	SHB	50
185	SHE	PT Năng Lượng Sơn Hà	50
186	SHI	Quốc tế Sơn Hà	50
187	SHS	Chứng khoán SG - HN	50
188	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	50
189	SJD	Thủy điện Cần Đơn	50
190	SJE	Sông Đà 11	50
191	SJS	SJ Group	50
192	SKG	Tàu Cao tốc Superdong	50
193	SLS	Mía đường Sơn La	50
194	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	50
195	SRC	Cao su Sao Vàng	50
196	SSB	SeABank	50
197	SSI	Chứng khoán SSI	50
198	STB	Sacombank	50
199	SVT	Công nghệ SG Viễn Đông	50
200	SZB	Sonadezi Long Bình	50
201	SZC	Sonadezi Châu Đức	50
202	SZL	Sonadezi Long Thành	50
203	TCB	Techcombank	50
204	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	50
205	TCL	Tan Cang Logistics	50
206	TCM	Dệt may Thành Công	50
207	TCO	TCO Holdings	50
208	TCT	Cáp treo Tây Ninh	50
209	TDM	Nước Thủ Dầu Một	50
210	TDP	Công ty Thuận Đức	50
211	THG	XD Tiền Giang	50
212	THT	Than Hà Tu	50
213	TIP	PT KCN Tín Nghĩa	50
214	TLĐ	ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long	50
215	TLG	Tập đoàn Thiên Long	50
216	TMB	Than Miền Bắc - Vinacomin	50
217	TMS	Transimex	50
218	TNC	Cao su Thống Nhất	50
219	TNG	Đầu tư và Thương mại TNG	50
220	TNH	Tập đoàn Bệnh viện TNH	50
221	TPB	TPBank	50
222	TRA	Traphaco	50
223	TRC	Cao su Tây Ninh	50
224	TTA	XD và PT Trường Thành	50

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ lệ tính tài sản đảm bảo
225	TV2	Tư vấn XD Điện 2	50
226	TVD	Than Vàng Danh	50
227	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	50
228	TVT	May Việt Thắng	50
229	VC7	BGI Group	50
230	VCB	Vietcombank	50
231	VCG	VINACONEX	50
232	VCI	Chứng khoán Vietcap	50
233	VCS	VICOSTONE	50
234	VDP	Dược phẩm VIDIPHA	50
235	VDS	Chứng khoán Rồng Việt	50
236	VFS	Chứng khoán Nhất Việt	50
237	VGC	Tổng Công ty Viglacera	50
238	VGS	Ông thép Việt Đức	50
239	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	50
240	VHM	Vinhomes	50
241	VIB	VIBBank	50
242	VIC	VinGroup	50
243	VIP	Vận tải Xăng dầu VIPCO	50
244	VIX	Chứng khoán VIX	50
245	VJC	Vietjet Air	50
246	VND	Chứng khoán VNDIRECT	50
247	VNM	VINAMILK	50
248	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	50
249	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	50
250	VPB	VPBank	50
251	VPG	Đầu tư TMại XNK Việt Phát	50
252	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	50
253	VRC	Bất động sản và Đầu tư VRC	50
254	VRE	Vincom Retail	50
255	VSC	VICONSHIP	50
256	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	50
257	VTO	VITACO	50
258	VTP	Bưu chính Viettel	50
259	SBG	Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba	50